

Số: 765/BC-UBND

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng
– an ninh năm 2023; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Thông báo số 37/TB-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về dự kiến thời gian, nội dung kỳ họp thứ 16 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2023) HĐND tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2023; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024, cụ thể như sau:

Phần thứ nhất TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023

I. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

Trong năm 2023, tỉnh Bắc Kạn đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và kế hoạch 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023, UBND tỉnh Bắc Kạn đã khẩn trương xây dựng và ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 19/01/2023 để triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, UBND tỉnh Bắc Kạn đã xây dựng và ban hành Chương trình hành động tại Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về việc thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 10/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2023.

Theo đó, Chương trình hành động gồm 07 nhóm nhiệm vụ chủ yếu trên tất cả các lĩnh vực, trong đó UBND tỉnh Bắc Kạn giao 96 nhiệm vụ cụ thể cho các Sở,

ban, ngành, UBND các huyện, thành phố bám sát các mục tiêu phát triển tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ, Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 32-NQ/TU ngày 05/12/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về nhiệm vụ năm 2023, Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh năm 2023 và Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023.

Ngoài ra, UBND tỉnh Bắc Kạn cũng đã ban hành Chương trình hành động về nâng cao hiệu quả quản lý tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023 nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ và Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2023.

Đồng thời, trong quá trình thực hiện, UBND tỉnh Bắc Kạn cũng đã triển khai thực hiện nghiêm các Nghị quyết Phiên họp thường kỳ, Nghị quyết khác của Chính phủ. Qua đó, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2023 nhìn chung ổn định; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội được các cấp các ngành chú trọng, các lĩnh vực giáo dục, khoa học, tài nguyên và môi trường, cải cách hành chính được quan tâm thực hiện; quốc phòng - an ninh được giữ vững.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2023

1. Về thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội

Tỉnh tiếp tục triển khai các nhiệm vụ theo Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, Kế hoạch số 800/KH-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm an toàn phòng, chống dịch Covid-19.

- Tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thường xuyên thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 19/01/2023 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023; triển khai khảo sát chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương (DDCI).

- Về các chính sách miễn, giảm thuế phí, lệ phí, gia hạn thời gian nộp thuế cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh... theo Nghị quyết số 11/NQ-CP: Đến hết tháng 10, tỉnh đã thực hiện với tổng giá trị 16,67 tỷ đồng, trong đó hỗ trợ cho 63 doanh nghiệp được giảm 30% tiền thuê đất, mặt nước đối với các đơn vị

phải thuê đất, mặt nước của Nhà nước với tổng số tiền hỗ trợ là 3,25 tỷ đồng; gia hạn nộp thuế cho 156 doanh nghiệp và 29 cơ sở với tổng số tiền là 36,1 tỷ đồng (trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp là 0,9 tỷ đồng); tỉnh đã thực hiện chính sách giảm 2% thuế giá trị gia tăng cho 139 doanh nghiệp với tổng số tiền là 5,57 tỷ đồng; giảm 20% mức tỷ lệ % khi thực hiện xuất hóa đơn đối với cơ sở kinh doanh, hộ, cá nhân kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ phần trăm trên doanh thu cho 2 doanh nghiệp và 209 cơ sở kinh doanh với tổng số tiền 124 triệu đồng; giảm lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước theo Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 với tổng số tiền 7,7 tỷ đồng.

- Các ngân hàng trên địa bàn tiếp tục triển khai hỗ trợ theo các chương trình thuộc Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ; Hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 36/2022/NĐ-CP; Chương trình cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ; Tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Từ đầu năm đến nay có 3.659 lượt khách hàng đến tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng (trong đó có 135 doanh nghiệp, 08 hợp tác xã, 201 hộ kinh doanh và 3.315 cá nhân); thực hiện giải ngân cho 3.611 lượt khách hàng với tổng số tiền giải ngân là 2.700 tỷ đồng; có 48 lượt khách hàng không đủ điều kiện vay vốn (gồm 10 doanh nghiệp, 02 hợp tác xã, 36 cá nhân). Đến tháng 10, dư nợ đối với 250 doanh nghiệp là 3.430 tỷ đồng, chiếm 38% trong tổng dư nợ của các chi nhánh ngân hàng thương mại; giảm 11,3% so với cuối năm 2022 (trong đó dư nợ cho vay với 209 doanh nghiệp nhỏ và vừa là 1.154 tỷ đồng, chiếm 12,8% trong tổng dư nợ của các chi nhánh ngân hàng thương mại, giảm 6,8% so với cuối 2022); dư nợ cho vay hợp tác xã là 35 tỷ đồng, 25 khách hàng; dư nợ cho vay cá nhân, hộ gia đình là 8.598 tỷ đồng, tăng 0,08% so với cuối năm 2022.

- Các đơn vị tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư thuộc chương trình phục hồi về phát triển kinh tế xã hội, cụ thể: Dự án Mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; dự án Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế tuyến huyện; dự án Đầu tư xây dựng 04 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn. Đối với Dự án Đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung tâm Y tế tuyến huyện, hiện nay các đơn vị đang chuẩn bị các thủ tục để triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch. Tỷ lệ giải ngân đến tháng 11 năm 2023 đạt 27 tỷ đồng, đạt 17,5%.

2. Tăng trưởng kinh tế

Dự ước đến hết năm 2023, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá so sánh đạt 8.820 tỷ đồng, tăng trưởng 6,1%; Trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản dự ước tăng trưởng 4,39%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng dự ước tăng

trường 9,9% (*công nghiệp tăng 11,9%; xây dựng tăng 8,71%*); khu vực Dịch vụ dự ước tăng trưởng 6,09%.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá hiện hành ước đạt 16.677 tỷ đồng; GRDP bình quân trên người ước đạt 51 triệu đồng/người, đạt 102% kế hoạch, tăng 4,7 triệu đồng so với năm 2022. Cơ cấu kinh tế dự kiến là: Khu vực nông, lâm nghiệp - thủy sản chiếm 27%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 16%; khu vực dịch vụ chiếm 53% và khu vực thuế sản xuất chiếm 3,0%; so với năm 2022, Khu vực nông, lâm nghiệp - thủy sản giảm 1,9%; khu vực công nghiệp - xây dựng bằng cùng kỳ; khu vực dịch vụ tăng 1,1%.

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp

Trong năm 2023, kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp nhìn chung ổn định, tiến độ gieo trồng và sản xuất đảm bảo khung thời vụ, đảm bảo cơ cấu giống phù hợp, công tác phòng chống thiên tai được chủ động thực hiện; công tác trồng rừng được khẩn trương triển khai; tỉnh tiếp tục kêu gọi, thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; thực hiện hỗ trợ liên kết, hợp tác trong phát triển nông, lâm nghiệp. Đẩy mạnh triển khai Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh Bắc Kạn quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa; hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

3.1. Trồng trọt: Tổng diện tích cây lúa cả năm là 22.103/22.553 ha đạt 98% KH, bằng 99% so với cùng kỳ năm 2022; sản lượng một số cây trồng chính như: Cây lương thực có hạt ước đạt 169.043/179.256 tấn đạt 94,3% kế hoạch, sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 521kg/người/năm đạt 104% kế hoạch; sản lượng các cây trồng khác cơ bản đạt kế hoạch đề ra, cây dong riềng ước đạt 29.537 tấn, bằng 99% kế hoạch. Tỉnh tiếp tục thực hiện chuyển đổi 95 ha diện tích cơ cấu cây trồng trên đất lúa đạt 172% kế hoạch; duy trì diện tích đã chuyển đổi từ năm 2018 là 1.719 ha.

3.2. Chăn nuôi: Đàn vật nuôi phát triển ổn định, tỉnh triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật, kiểm soát tốt công tác giết mổ và kiểm dịch vận chuyển. Tổng đàn vật nuôi ước thực hiện đến hết năm 2023: Đàn trâu, bò, ngựa 83.835/88.620 con đạt 94% KH, trong đó số con xuất chuồng 20.938 con; đàn lợn 417.983/410.130 con đạt 101% KH, trong đó số con xuất chuồng 240.913 con; đàn dê 29.951/37.380 con đạt 80% KH, trong đó số con xuất chuồng 21.850 con; đàn gia cầm 4.574.822/4.927.240 con, đạt 93% KH, trong đó số con xuất chuồng 2.412.754 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt 26.376/27.979 tấn, đạt 94% KH. Các địa phương đã chủ động phòng chống dịch bệnh, thực hiện tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi. Diện tích nuôi trồng thủy sản thực hiện khoảng 1.341/1.342 ha đạt 100% KH, sản lượng ước đạt 2.869/2.784 tấn đạt 103% KH.

3.3. Lâm nghiệp

Công tác phát triển rừng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Dự ước đến hết năm 2023, tỉnh thực hiện trồng được 5.177 ha đạt 128% KH, trong đó thực hiện Tết trồng

cây gắn với chương trình trồng một tỷ cây xanh được 1.876.056/1.634.000 cây, đạt 115% KH. Sản lượng khai thác gỗ các loại đạt 337.914/310.000 m³ gỗ các loại, đạt 109% KH, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2022.

Công tác quản lý bảo vệ rừng tiếp tục được tăng cường, tỉnh đã tổ chức các cuộc tuyên truyền cho người dân về công tác bảo vệ rừng. Trong 10 tháng, tỉnh đã tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng được 1.616 cuộc với 7.286 lượt người tham gia; toàn tỉnh đã phát hiện và lập hồ sơ xử lý đối với 528 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, tịch thu 416 m³ gỗ các loại, thu nộp ngân sách nhà nước trên 3.700 triệu đồng.

3.4. Chương trình xây dựng nông thôn mới:

Chương trình xây dựng nông thôn mới: Trong năm 2023, tỉnh đã tổ chức thẩm định các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022; triển khai kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2023; tăng cường huy động các nguồn lực, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện chương trình; thành lập các đoàn kiểm tra tiến độ thực hiện tại các địa phương để kịp thời chỉ đạo hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền tháo gỡ trong quá trình triển khai. Đến nay, bình quân toàn tỉnh đạt 12,11 tiêu chí/xã, trong đó đạt 19 tiêu chí 23 xã, 15-18 tiêu chí 02 xã, 10-14 tiêu chí 45 xã, 05-09 tiêu chí 25 xã; toàn tỉnh có 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới, 24 xã nông thôn mới, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 63 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

Trong 17 xã nông thôn mới năm 2023 bao gồm 11 xã trong lộ trình phấn đấu đạt chuẩn năm 2023 (xã Lục Bình, Vi Hương, huyện Bạch Thông; xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn; xã Yên Dương, huyện Ba Bể; xã Bằng Lăng, Lương Bằng, Đồng Lạc, Nam Cường, huyện Chợ Đồn; xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới; xã Văn Lang, Liêm Thủy, huyện Na Rì) và 06 xã chưa đạt chuẩn trong lộ trình phấn đấu năm 2022 (xã Tân Tú, huyện Bạch Thông; xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn; xã Mỹ Phương, huyện Ba Bể; xã Côn Minh, Trần Phú, huyện Na Rì; xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm). Dự ước đến hết năm 2023, tỉnh có thêm 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới (04 xã thuộc KH 2023 và 01 xã thuộc KH 2022) gồm: Xã Tân Tú, huyện Bạch Thông; Xã Nam Cường, Bằng Lăng, Lương Bằng, Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn và có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gồm: Xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn; xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn.

3.5. Đề án Mỗi xã, phường một sản phẩm:

Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP) được tiếp tục thực hiện hiệu quả. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình "Mỗi xã, phường một sản phẩm" (OCOP) tỉnh Bắc Kạn năm 2023; chỉ đạo, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố triển khai Chu trình OCOP thường niên năm 2023 theo quy định; tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ triển khai Chương trình OCOP các cấp năm 2023; xét chọn 82 sản phẩm đủ điều kiện tham gia Chương trình OCOP năm 2023. Dự kiến năm 2023, tỉnh Bắc Kạn có trên 20 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên, nâng tổng số sản phẩm đạt 3 sao trở lên của tỉnh đạt trên 202 sản phẩm.

3.6. Về các dự án hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

Năm 2023, UBND tỉnh tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện dự án liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND tỉnh phê duyệt năm 2021 chuyển tiếp năm 2023 là 19 dự án. UBND tỉnh đã phân bổ nguồn kinh phí cho các đơn vị, địa phương tại Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 về việc phân bổ và giao dự toán kinh phí sự nghiệp cho các đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ năm 2023.

Trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ, hiện nay các dự án đang tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các nội dung (chu kỳ 3) theo các quyết định phê duyệt dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các chủ trì liên kết (chủ đầu tư dự án) tập trung triển khai thực hiện, đến thời điểm hiện nay cơ bản các dự án đang tiến hành tổ chức thẩm định giá, tổ chức lựa chọn nhà thầu cung ứng giống vật tư, một số dự án đã thực hiện xong các nội dung và đang tiến hành nghiệm thu hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí.

Nhìn chung, các chủ đầu tư dự án đã tổ chức triển khai thực hiện các dự án theo đúng nội dung được phê duyệt, đảm bảo đúng tiến độ và mùa vụ của từng dự án; các đơn vị, địa phương đã kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn cho các HTX trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số hợp tác xã gặp các khó khăn vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện như việc thực hiện các thủ tục thẩm định giá giống, vật tư, các thủ tục về lựa chọn nhà thầu ... (như dự án liên kết chăn nuôi gắn với tiêu thụ sản phẩm vịt bầu cỏ xanh thương phẩm của HTX Thanh Mai, huyện Chợ Mới; Dự án liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm mơ vàng của HTX Đoàn Kết, huyện Chợ Mới...).

4. Phát triển công nghiệp - xây dựng

4.1. Phát triển công nghiệp

Khu vực công nghiệp tiếp tục phát triển khá, tỉnh tổ chức triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, đề án khuyến công năm 2023; các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp tích cực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh; khu vực công nghiệp tiếp tục là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các ngành kinh tế. UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các đơn vị quan tâm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án phát triển công nghiệp, nhất là các dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp; thường xuyên kiểm tra, thăm nắm tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp để đánh giá tác động và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2023 ước đạt 1.773 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm 2023, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó đóng góp vào sự tăng trưởng chủ yếu từ một số nhóm sản phẩm như: Nhóm công nghiệp khai khoáng với sản phẩm tinh quặng sắt, tăng 36,3% so với cùng kỳ năm 2022, tinh quặng chì tăng 18,1% so với cùng kỳ 2022; các nhà máy sản xuất chì kim loại hoạt động sản xuất ổn định đảm bảo đạt kế hoạch năm 2023; sản phẩm đá vôi tăng

12,1% so với cùng kỳ 2022 do hoạt động khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng bắt đầu tập trung sản xuất đảm bảo đáp ứng nhu cầu cho các công trình đầu tư công trên địa bàn tỉnh; nhóm ngành công nghiệp gỗ (đũa sơ chế) tăng 40,1% so với cùng kỳ năm 2022 do một số nhà máy trên địa bàn huyện Ba Bể bắt đầu hoạt động sản xuất trong năm 2023 và một số nhà máy khác trên địa bàn tỉnh phục hồi sản xuất sau dịch bệnh. Cơ bản các sản phẩm công nghiệp đều tăng so với năm 2022, có 02 sản phẩm dự báo (ván dán và quần áo may sẵn) giảm do thị trường tiêu thụ suy giảm, trong đó sản phẩm ván dán được gặp khó khăn trong xuất khẩu vì vụ việc Hoa Kỳ điều tra lẩn tránh thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp đối với gỗ dán. Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện trên địa bàn tỉnh đến hết năm 2023 ước đạt 97,8%, đạt kế hoạch đề ra.

4.2. Xây dựng cơ bản

Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo việc thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các công trình, dự án. Tỉnh đã phân công Lãnh đạo UBND tỉnh phụ trách các chương trình, dự án theo ngành, lĩnh vực; yêu cầu các chủ đầu tư báo cáo tiến độ giải ngân hàng tuần để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho từng dự án. UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo triển khai các Nghị quyết Chính phủ; các Công điện, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các chỉ đạo của Tổ trưởng các Tổ công tác theo Quyết định số 235/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh... UBND tỉnh cũng chỉ đạo thường xuyên về đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tổ chức hội nghị, phiên họp giao ban UBND tỉnh đánh giá về công tác đầu tư xây dựng cơ bản đầu năm 2023; thực hiện đánh giá, rà soát tiến độ thực hiện, giải ngân của từng các dự án trọng điểm tỉnh (nhóm A, B, dự án ODA) và xem xét, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho từng dự án hàng tháng; tăng cường đi kiểm tra từng địa phương, chủ đầu tư và từng dự án; tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023.

Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2023 của tỉnh là 2.820,4 tỷ đồng; trong đó: Nguồn vốn ngân sách địa phương 738,9 tỷ đồng, nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung 2.081,5 tỷ đồng. Tỉnh đã thực hiện phân bổ chi tiết là 2.801,9 tỷ đồng đạt 104% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 99% kế hoạch năm 2023 của tỉnh. Dự kiến đến 31/01/2024 giải ngân đạt 2.421.618 triệu đồng, đạt 90,3% kế hoạch TTCP giao, đạt 85,6% kế hoạch của tỉnh, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương phân đầu giải ngân 720.413 triệu đồng, đạt 120% kế hoạch TTCP giao, đạt 93,7% kế hoạch của tỉnh; nguyên nhân chính không đạt 100% kế hoạch do dự kiến nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2023 không đạt kế hoạch đề ra.

- Nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương giải ngân 1.701.205 triệu đồng, đạt 81,7% kế hoạch, trong đó:

+ Vốn trong nước theo ngành, lĩnh vực ước giải ngân 744.500 triệu đồng, đạt 66,2% kế hoạch (*Còn 380.000 triệu đồng không có khả năng giải ngân, UBND*

tỉnh Bắc Kạn đã báo cáo Trung ương đề nghị điều chỉnh tại Công văn số 4832/UBND-TH ngày 27/7/2023).

+ Vốn nước ngoài ước giải ngân 205.607 triệu đồng, đạt 99,5% kế hoạch, do có 01 dự án đã quyết toán nên không giải ngân hết số kế hoạch vốn được giao.

+ Vốn thực hiện Chương trình MTQG ước giải ngân 597.098 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch.

5. Dịch vụ

5.1. Dịch vụ thương mại

Hoạt động thương mại, dịch vụ tăng mạnh so với cùng kỳ, hàng hóa phong phú, đa dạng về mẫu mã, chủng loại đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân; các cơ quan chức năng đã theo dõi sát tình hình thị trường, đảm bảo nguồn cung các mặt hàng thiết yếu, đảm bảo không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn hàng gây tăng giá đột biến; UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị tăng cường tổ chức các cuộc xúc tiến thương mại, tham gia gian hàng trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các trung tâm thương mại lớn trong nước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng mạnh do dịch Covid-19 được kiểm soát, các hoạt động thương mại, dịch vụ có đà phát triển; hầu hết các hoạt động dịch vụ như nhà hàng, quán ăn, giải khát, karaoke, khách sạn; hoạt động hội họp, lễ hội, các điểm du lịch,... được hoạt động trở lại.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2023 ước đạt 7.806 tỷ đồng, đạt 111% kế hoạch năm 2023, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2022. Cùng với tình hình xuất nhập khẩu cả nước giảm so với cùng kỳ năm trước thì tình hình xuất nhập khẩu của tỉnh Bắc Kạn cũng tăng trưởng chậm lại, giảm so với cùng kỳ năm trước; nguyên nhân là do kinh tế phục hồi chậm, nhu cầu nhập khẩu ở các quốc gia giảm, ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Dự ước hết năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu của tỉnh đạt 28 triệu USD, đạt 72,7% kế hoạch năm 2023, bằng 67% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: kim ngạch xuất khẩu đạt 21 triệu USD, bằng 63% so với cùng kỳ năm trước và kim ngạch nhập khẩu đạt 7 triệu USD, bằng 95% so với cùng kỳ năm trước. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Bột ôxit kẽm, Chì thời thô; Đũa gỗ, Gỗ dán ép, Gỗ ván sàn; Hoa quả chế biến... Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Veneer nguyên liệu; thiết bị dùng trong sản xuất gỗ dán ép; chế phẩm hoá học, bột oxit chì, hệ thống tuyến quặng, túi giấy xỏ đũa...

5.2. Du lịch

Tỉnh tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch; chỉ đạo các huyện, thành phố, các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh đảm bảo trật tự, an toàn cho khách du lịch trong dịp lễ tết; tăng cường công tác nghiên cứu, đổi mới hình thức và nội dung tham gia các sự kiện xúc tiến du lịch; đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ phục vụ du lịch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước thực hiện chuyển đổi số du lịch Bắc Kạn. UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng Nghị quyết của HĐND

tỉnh quy định một số nội dung hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm phát triển “Điểm du lịch” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023- 2026. Một số địa phương bước đầu phát triển các mô hình chợ đêm, phố đi bộ ban đêm tại trung tâm các đô thị gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của địa phương¹; UBND tỉnh đang nghiên cứu, xây dựng Đề án tuyển phố đi bộ và trải nghiệm văn hóa, ẩm thực tại thành phố Bắc Kạn.

Ước thực hiện năm 2023, tỉnh đón 900 nghìn lượt khách, đạt 117% kế hoạch năm, gấp 2 lần so với cùng kỳ năm 2022; tổng doanh thu từ khách du lịch đạt 630 tỷ đồng đạt 116% kế hoạch năm.

6. Phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã - cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

6.1. Xúc tiến đầu tư - phát triển doanh nghiệp

Công tác xúc tiến đầu tư, phát triển doanh nghiệp tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo. Tỉnh tập trung triển khai Chương trình xúc tiến đầu tư tỉnh Bắc Kạn năm 2023 theo Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh. Triển khai Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 28/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hút, hỗ trợ triển khai thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh và Văn bản số 1335-CV/TU ngày 16/01/2023 của Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác quản lý đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, tài chính; UBND tỉnh thành lập Tổ công tác đặc biệt giải quyết tồn tại, vướng mắc các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn do Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng nhằm rà soát, giải quyết tồn tại, vướng mắc và sớm đưa các dự án đầu tư ngoài ngân sách đi vào hoạt động. UBND tỉnh đã tổ chức nhiều cuộc họp chuyên đề như: hội nghị kiểm điểm, rà soát tình hình tổ chức lập các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh; hội nghị bàn giải pháp thúc đẩy phát triển các dự án ngoài ngân sách trên địa bàn thành phố Bắc Kạn; hội nghị bàn các giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; hội nghị nghe báo cáo, đôn đốc tình hình thực hiện các dự án đầu tư thủy điện trên địa bàn tỉnh và các cuộc họp giải quyết khó khăn, vướng mắc của từng dự án, từng chủ đầu tư nhằm đưa các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư sớm đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế- xã hội địa phương.

Ước thực hiện hết năm 2023, cả tỉnh có 110 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 1.800 tỷ đồng, có 55 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, 11 doanh nghiệp giải thể và có 35 doanh nghiệp quay trở lại thị trường; dự ước đến hết năm tỉnh thu hút được 10 dự án đầu tư ngoài ngân sách với tổng vốn đăng ký 1.300 tỷ (trong đó có 01 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 25.000 USD). Đến thời điểm hiện tại, tỉnh có khoảng 1.021 doanh nghiệp đăng ký hoạt động và 178 dự án đầu tư ngoài ngân sách, trong đó có 106 dự án đã hoàn thành (*trong đó: 14 dự án*

¹ Huyện Chợ Đồn thường xuyên tổ chức Chợ đêm quảng bá, giới thiệu và bán các sản phẩm nông sản của địa phương, sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch.

Huyện Na Rì phát triển mô hình Chợ đêm kết hợp tuyển phố đi bộ tại thị trấn Yên Lạc.

đã ngừng hoạt động; 92 dự án đang hoạt động); 72 dự án đang triển khai thực hiện thủ tục đầu tư hoặc đang xây dựng cơ bản (trong đó: 38 dự án triển khai đảm bảo tiến độ; 34 dự án triển khai chậm tiến độ). Đối với các dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, tổng số vốn đầu tư thực hiện đạt khoảng 4.600 tỷ đồng; đối với các dự án đang triển khai thực hiện chưa hoàn thành đi vào hoạt động số vốn thực tế giải ngân được quyết toán chính xác sau khi hoàn thành các hạng mục dự án.

Nhìn chung, các nhà đầu tư cơ bản chấp hành tốt các quy định của pháp luật về đầu tư, linh hoạt trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; công tác bồi thường GPMB; chuyển đổi đất rừng, phương án trồng rừng thay thế; giấy phép xây dựng... Đối với các dự án triển khai thực hiện chậm tiến độ đầu tư, bên cạnh nguyên nhân khách quan như dịch bệnh, các dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách không thuộc diện Nhà nước thu hồi đất, nhà đầu tư phải nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất nên khó khăn trong tiếp cận đất đai... còn có các nguyên nhân chủ quan như: Nhà đầu tư chưa chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không triển khai thực hiện hoặc triển khai thực hiện các thủ tục còn chậm (đặc biệt là các thủ tục liên quan đến đất đai, rừng...), chậm phối hợp với các sở, ngành, địa phương để hoàn thiện các thủ tục sau phê duyệt chủ trương đầu tư...

6.2. Phát triển kinh tế tập thể

Tỉnh tiếp tục triển khai hỗ trợ hợp tác xã theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh; xây dựng Đề án chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ; UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác hỗ trợ nguồn nhân lực cho các HTX trên địa bàn tỉnh; phê duyệt danh sách hợp tác xã được hỗ trợ nguồn nhân lực giai đoạn 2022-2025. Trong năm 2023, tỉnh tư vấn hỗ trợ cho trên 100 lượt HTX về hồ sơ thủ tục, đăng ký lại ngành nghề, đại hội nhiệm kỳ, tư vấn các HTX tham gia sản phẩm OCOP, hỗ trợ tiếp cận vốn vay và các chính sách thuế...

Ước thực hiện năm 2023, tỉnh có 65 HTX thành lập mới, 06 HTX giải thể. Đến thời điểm hiện tại, tổng số HTX trên địa bàn tỉnh là 393 HTX với tổng vốn điều lệ là 573 tỷ đồng và 3.781 thành viên, trung bình 9,6 thành viên/HTX; số HTX đang hoạt động: 339 HTX, ngừng hoạt động là 54 HTX. Nhìn chung, các HTX nông nghiệp hoạt động ổn định, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, mở rộng thêm quy mô diện tích sản xuất, phát triển thêm các sản phẩm, ngoài ra HTX liên kết sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng nông sản, tích cực tham gia hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá các sản phẩm tiêu biểu, sản phẩm đặc trưng và sản phẩm OCOP tới người tiêu dùng. Tuy nhiên, nhiều hợp tác xã còn thiếu vốn hoạt động để mở rộng sản xuất kinh doanh. Trong lĩnh vực chăn nuôi, trồng cây được liệu nhiều HTX gặp khó khăn do thị trường tiêu thụ chậm, giá bán rẻ.

Ước thực hiện đến hết năm 2023, cả tỉnh có 02 Liên hiệp HTX với 18 thành viên là các HTX, tổng số vốn hoạt động của liên hiệp HTX là 12 tỷ đồng. Các thành viên Liên hiệp HTX đã phát huy được vai trò trong việc hỗ trợ, thúc đẩy sự

phát triển của các HTX thành viên trong Liên hiệp HTX, thực hiện kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các HTX trên địa bàn tỉnh và quảng bá tiềm năng du lịch cộng đồng để trải nghiệm, giới thiệu đến du khách trong và ngoài tỉnh.

6.3. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị thường xuyên thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; lồng ghép các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 19/01/2023 về thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023. Tỉnh đã tổ chức Hội nghị công bố chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương (DDCI); xây dựng kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Bắc Kạn năm 2023.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2023, UBND tỉnh đã thành lập Tổ công tác đặc biệt giải quyết tồn tại, vướng mắc các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, thăm nắm tình hình và tổ chức các cuộc họp xem xét, tháo gỡ khó khăn vướng mắc một số dự án.

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 31/01/2023 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023. Triển khai thí điểm 12 mô hình Chợ 4.0-Chợ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Ban hành Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 02/6/2023 về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Bắc Kạn năm 2023. UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị tiếp tục rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nghiên cứu đề xuất cắt giảm danh mục ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh. UBND tỉnh đã tổ chức hội nghị đối thoại doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm giải quyết kiến nghị, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và giải pháp phục hồi đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Ngày 11/4/2023, VCCI đã công bố chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022, tỉnh Bắc Kạn đạt 65,15 điểm, tăng 13 bậc, đứng thứ 35/63 tỉnh, thành phố, nằm trong nhóm các tỉnh có chất lượng điều hành kinh tế khá của cả nước. Kết quả này cho thấy nỗ lực thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Các cấp, các ngành đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh phát triển.

7. Tài chính - Tiền tệ

7.1. Quản lý ngân sách nhà nước

Tỉnh quản lý, điều hành ngân sách chủ động, chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định và trong phạm vi dự toán được giao; tăng cường các giải pháp thu và chống thất thu ngân sách; triển khai các chính sách miễn, giảm thuế phí, lệ

phí, gia hạn thời gian nộp thuế cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh... theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2023 ước đạt 856 tỷ đồng, bằng 104% dự toán trung ương giao, bằng 86% dự toán tỉnh giao. Trong đó: Thu nội địa ước đạt 825 tỷ đồng; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 28 tỷ đồng. Nguyên nhân kết quả thu ngân sách đạt thấp do tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn do chịu ảnh hưởng của hậu đại dịch Covid – 19, các yếu tố khác như: lạm phát²; các dự án triển khai chậm, thị trường bất động sản giảm sâu làm giảm nguồn thu sử dụng đất (dự kiến khoảng 25% trong tổng cơ cấu thu); Tỉnh thực hiện các chính sách tài khóa mở rộng của Chính phủ để góp phần thúc đẩy quá trình phục hồi của nền kinh tế như miễn, giảm, gia hạn tiền thuế, tiền thuê đất, giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8%, giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô lắp ráp trong nước, giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu..v.v.. Dự ước tác động của các chính sách tài khóa mở rộng làm giảm nguồn thu trên địa bàn tỉnh trong năm 2023 khoảng trên 100 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 ước đạt 8.523 tỷ đồng/7.619,3 tỷ đồng, bằng 111% dự toán giao đầu năm. Trong đó: chi cân đối ngân sách địa phương ước đạt 4.981,1 tỷ đồng; chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ước đạt 3.542 tỷ đồng.

7.2. Hoạt động ngân hàng

Trong năm 2023, tỉnh kịp thời triển khai và chỉ đạo các chi nhánh tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện các cơ chế chính sách theo chủ trương của Chính phủ, chỉ đạo của Thống đốc NHNN Việt Nam. Các chi nhánh NHTM giảm mức lãi suất huy động tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 01 tháng³, tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng⁴; giảm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam đối với các lĩnh vực ưu tiên⁵.

Dự ước tổng huy động vốn ước thực hiện đến 31/12/2023 đạt: 13.280 tỷ đồng, tăng 10% so với 31/12/2022; Tổng dư nợ cấp tín dụng ước thực hiện đến 31/12/2023 đạt: 12.800 tỷ đồng, tăng 8% so với 31/12/2022; Ước nợ xấu đến 31/12/2023: 95 tỷ đồng, chiếm 0,74% trong tổng dư nợ.

Các chương trình tín dụng ngân hàng được thực hiện hiệu quả⁶. Các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn luôn đáp ứng đủ nguồn vốn cho các nhu

² Chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 6,29% so với cùng kỳ, trong đó có 10/11 nhóm hàng chính đều tăng giá; tăng mạnh; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng mạnh với mức tăng 8,82%, trong đó nhóm thực phẩm tăng mạnh nhất với mức tăng 10,75%

³ Từ 03/4/2023, giảm từ 1%/năm xuống 0,5%/năm theo Quyết định số 575/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023.

⁴ Từ 03/4/2023, giảm từ 6%/năm xuống 5,5%/năm theo Quyết định số 575/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023; từ 25/5/2023, giảm từ 5,5%/năm xuống 5%/năm theo Quyết định số 951/QĐ-NHNN ngày 23/5/2023; từ 19/6/2023, giảm từ 5%/năm xuống 4,75%/năm theo Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023.

⁵ Từ 15/3/2023, giảm từ 5,5%/năm xuống mức 5,0%/năm theo Quyết định số 314/QĐ-NHNN ngày 14/3/2023; từ 03/4/2023, giảm từ 5,0%/năm xuống mức 4,5%/năm theo Quyết định số 576/QĐ-NHNN ngày 31/3/2023; từ 19/6/2023, giảm từ 4,5%/năm xuống 4,0%/năm theo Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/6/2023.

⁶ Ước thực hiện đến ngày 30/9/2023: Dư nợ cho vay nông nghiệp, nông thôn của các chi nhánh NHTM ước đạt: 3.270 tỷ đồng, chiếm 36,4% trong tổng dư nợ; dư nợ cho vay DNNVV: 1.255 tỷ đồng, chiếm 14% trong tổng dư nợ; dư nợ tín dụng Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội 2.990 tỷ đồng.

cầu phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội; việc tiếp cận nguồn vốn vay đã được cải thiện, góp phần tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn. Các ngân hàng thương mại trên địa bàn tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Tiếp tục triển khai hỗ trợ theo các chương trình thuộc Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ⁷; Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022 của Chính phủ⁸.

8. Công tác lập, quản lý quy hoạch

Công tác lập Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được khẩn trương triển khai. Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/3/2023. UBND tỉnh đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 10/8/2023. Đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh đã hoàn thành công tác lập quy hoạch tỉnh và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2023.

Tỉnh tiếp tục triển khai lập các Đồ án Quy hoạch điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung các đô thị trên địa bàn; triển khai lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện và lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích Quốc gia đặc biệt ATK Chợ Đồn, Quy hoạch di tích danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Hồ Ba Bể và vùng phụ cận.

9. Lĩnh vực Văn hoá - Xã hội

9.1. Giáo dục và Đào tạo

Nhiệm vụ năm học 2022-2023 được triển khai, đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các đơn vị tổng kết năm học 2022 - 2023; tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2023, kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2023 - 2024. Tỷ lệ học sinh lớp 12 đỗ tốt nghiệp năm 2023 đạt 98,1%, vượt kế hoạch đề ra; tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT chiếm 65,59%.

Tỉnh tiếp tục chỉ đạo đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học gắn với thực hiện các chương trình, dự án, tăng cường huy động các ngoài lực xã hội hóa để đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học. Tập trung triển khai,

- Dự nợ cho vay chương trình MTQG xây dựng NTM ước đạt 4.450 tỷ đồng, tăng 2,5% so cuối năm 2022; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, dự nợ đạt 2.920 tỷ đồng, tăng 4,4% so với cuối năm 2022; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 33,9 tỷ đồng, với 676 khách hàng

⁷ Đến ngày 31/7/2023, hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 36/2022/NĐ-CP cho 25.136 hộ vay vốn với tổng số tiền 18,6 tỷ đồng; dự nợ cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy tính, thiết bị học trực tuyến đến ngày 31/7/2023, cho 880 hộ, 1.145 HSSV với tổng số tiền 11,5 tỷ đồng; dự nợ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 2.174 lao động với tổng số tiền 150 tỷ đồng; dự nợ cho vay để xây mới, cải tạo nhà ở theo chính sách nhà ở xã hội, cho 152 khách hàng vay với tổng số tiền 56,8 tỷ đồng; chính sách tín dụng thực hiện CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cho 756 khách hàng với tổng số tiền là 38,6 tỷ đồng; dự nợ đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, cho 21 cơ sở vay với tổng số tiền 1,2 tỷ đồng.

⁸ Đến ngày 31/7/2023, thực hiện giải ngân cho 07 khách hàng với tổng doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất là 59,4 tỷ đồng, số tiền đã hỗ trợ lãi suất: 179 triệu đồng.

hoàn thiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là hệ thống trường lớp học vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các trường học dự kiến đạt chuẩn quốc gia. Về công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, đến 31/10/2023 cả tỉnh có 106/283 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 37,45%. Dự kiến hết năm 2023, tỉnh có thêm 29 trường đủ điều kiện đánh giá công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch, tăng 141,7% so với cùng kỳ.

9.2. Y tế - Chăm sóc sức khỏe

Công tác phòng, chống dịch được thực hiện theo quy định; tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh, triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh kịp thời, hiệu quả, nhất là các dịch bệnh phát sinh theo mùa.

Trong năm 2023, tiếp tục duy trì tốt công tác khám bệnh, cấp cứu và điều trị người bệnh kịp thời; Đảm bảo cung ứng thuốc, trang thiết bị y tế, vật tư trong công tác khám, chữa bệnh; nghiêm túc triển khai thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bằng CCCD gắn chip theo đúng nội dung các văn bản chỉ đạo của Bộ Y tế. Dự ước đến hết năm 2023, tỉnh có 117 cơ sở khám chữa bệnh công lập (tuyến tỉnh 01; huyện 08; xã, phường, thị trấn 108); tổng số giường bệnh/vạn dân ước đạt trên 31,65 giường; số bác sỹ/vạn dân đạt 16,9 bác sỹ; Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi) ước đạt 15,9%; Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi tiêm chủng đầy đủ 08 loại vắc xin ước đạt 80%; Số xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã dự kiến tăng thêm 02 xã, ước đến hết năm 2023, tỷ lệ số xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã của tỉnh đạt 100%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 97%. Dân số trung bình của tỉnh hết năm 2023 ước đạt 326,5 nghìn người, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2022.

9.3. Văn hóa, Thể dục và Thể thao

Trong năm 2023, tỉnh tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke, tổ chức Lễ hội, Hội xuân, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, mừng các ngày lễ lớn; tập trung chỉ đạo xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện tốt Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tiếp tục thực hiện giải pháp giữ gìn, bảo tồn kiến trúc nhà ở truyền thống trên địa bàn tỉnh; Đề án "Chương trình hoạt động văn hóa, nghệ thuật phục vụ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023. Các hoạt động thư viện, điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, triển lãm, quảng cáo được tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình của tỉnh.

Dự ước đến hết năm 2023, tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 29,2%; tỷ lệ phường đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 58,5%; tỷ lệ xã, phường có nhà văn hóa đạt 60%; tỷ lệ thôn, tổ, khu phố đạt chuẩn văn hóa đạt 86%; tỷ lệ thôn, tổ, khu phố có nhà văn hóa đạt 94%; tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 88%.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì và phát triển rộng khắp cho mọi đối tượng, các loại hình tập luyện, các môn thể thao quần chúng và hiện

đại được duy trì thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Tỉnh duy trì công tác đào tạo VĐV thể thao thành tích cao tại Trung tâm Huấn luyện và thi đấu TDTT. Tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh gồm: Giải vô địch Đẩy gậy, Kéo co; giải Việt dã tỉnh Bắc Kạn lần thứ XX; giải Vô địch Cầu lông các nhóm tuổi; Giải Bóng chuyền hơi trung, cao tuổi; giải vô địch Bóng bàn các nhóm tuổi; giải Bóng chuyền hơi Công nhân, viên chức, lao động lần thứ IV; giải vô địch Bóng đá thiếu niên, nhi đồng; giải vô địch Bơi các nhóm tuổi; giải vô địch Bóng chuyền; giải vô địch bóng đá 5 người; giải Quần vợt. Tỉnh đăng cai giải Bóng chuyền hơi trung cao tuổi toàn quốc năm 2023. Tham gia các giải thi đấu thể thao toàn quốc theo kế hoạch, kết quả đạt 13 HCV, 13 HCB, 20 HCD. Dự ước năm 2023 đạt tỷ lệ số người luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 33,5%; tỷ lệ gia đình luyện tập thể dục thể thao đạt 19,5%; tỷ lệ trường học đảm bảo chương trình giáo dục thể chất và thực hiện TDTT ngoại khóa đạt 100%.

9.4. Thông tin và Truyền thông

Mạng lưới bưu chính luôn đảm bảo cung cấp các dịch vụ và đáp ứng kịp thời nhu cầu cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và nhân dân. Mạng lưới thông tin và truyền thông đã phản ánh, tuyên truyền kịp thời, chính xác các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các vấn đề thời sự trong tỉnh.

Trong năm 2023, các đơn vị, địa phương duy trì cung cấp thông tin, hướng dẫn tuyên truyền cho các cơ quan báo chí, truyền thông; cung cấp nội dung tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19. Tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị cung cấp thông tin cho báo chí; Kế hoạch tuyên truyền các sự kiện nổi bật và kỷ niệm ngày lễ lớn trong tháng 02/2023 trên Bảng tin điện tử công cộng; Kế hoạch truyền thông về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Kế hoạch tuyên truyền, quảng bá hình ảnh tỉnh Bắc Kạn; Kế hoạch thông tin tuyên truyền về trật tự an toàn giao thông; Kế hoạch Thông tin đối ngoại năm 2023.

Về công tác chuyển đổi số trong năm 2023, tỉnh đã tổ chức triển khai thu thập, tổng hợp số liệu phục vụ đánh giá Chỉ số chuyển đổi số cơ quan Nhà nước tỉnh Bắc Kạn năm 2022; tổ chức tập huấn chuyển giao công nghệ phần mềm đánh giá chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh, huyện, xã (DTI) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn cho cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách/phụ trách CNTT phụ trách, tham mưu về chuyển đổi số các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường thị trấn; ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023 và Kế hoạch kiểm tra hoạt động chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương năm 2023; ban hành Kế hoạch số 369/KH-UBND ngày 14/6/2023 về thí điểm triển khai thực hiện chuyển đổi số tại 08 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 506/KH-UBND ngày 28/7/2023 về triển khai Chương trình hỗ trợ phổ cập điện thoại thông minh cho người dân trưởng thành tại 08 xã, phường thực hiện thí điểm chuyển đổi số năm 2023. UBND tỉnh đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 -2025, định hướng đến năm 2030 với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel) và

Thỏa thuận hợp tác đồng hành, hỗ trợ, tư vấn triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2023 - 2025 với Công ty cổ phần FPT.

Thực hiện Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh về kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023, hiện tại Tỉnh đang triển khai 42 nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2023 (gồm cả nhiệm vụ mới và nhiệm vụ chuyển tiếp năm 2022), trong đó có 01 nhiệm vụ dừng thực hiện; 01 nhiệm vụ giãn tiến độ sang năm 2024; 40 nhiệm vụ tiếp tục triển khai thực hiện, trong đó có 7 nhiệm vụ đã được phê duyệt dự toán, đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện. Việc triển khai các nhiệm vụ, dự án được các đơn vị quan tâm thực hiện, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, đôn đốc. Đến tháng 10/2023, đã giải ngân 10.488 triệu đồng (đạt 15,7% số kinh phí cấp năm 2023). Hầu hết các nhiệm vụ/dự án kinh phí lớn trong danh mục nhiệm vụ/dự án được phê duyệt chưa thực hiện được việc giải ngân do hiện nay các đơn vị được giao chủ trì đang thực hiện các bước lập hồ sơ dự án (lập Đề cương và dự toán chi tiết; lập Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin; Lựa chọn nhà thầu...) do đó kết quả giải ngân còn thấp.

9.5. Lao động, Thương binh và Xã hội

Công tác lao động, việc làm được triển khai theo kế hoạch. Tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới. Tiếp tục thực hiện hỗ trợ, tuyển chọn người lao động đi làm việc tại nước ngoài. Ước thực hiện hết năm 2023, tỉnh giải quyết việc làm cho 6.400 người, đạt 100% kế hoạch (trong đó đưa người đi làm việc ở nước ngoài 700 người). Tỷ lệ tham gia so với số thuộc diện tham gia: bảo hiểm xã hội bắt buộc 96%; bảo hiểm xã hội thất nghiệp 94%. Về giáo dục nghề nghiệp trong năm 2023, toàn tỉnh tuyển sinh và đào tạo 6.000 người đạt 100% kế hoạch (trong đó đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 3.000 người đạt 100% KH).

Công tác chăm lo cho gia đình chính sách và người có công, người cao tuổi được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện; Trong năm 2023, tỉnh đã tổ chức thăm và tặng quà cho thân nhân của người có công với cách mạng, người cao tuổi nhân dịp các ngày lễ lớn, tổ chức tặng 6.928 suất quà của Chủ tịch nước tặng các đối tượng người có công và thân nhân người có công; giải quyết chế độ mai táng phí đối với 184 đối tượng người có công, thân nhân liệt sĩ và đối tượng chính sách khác; tổ chức tặng quà, trao Thiếp mừng thọ của Chủ tịch UBND tỉnh cho 261 người cao tuổi. Tỉnh đã báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ cấp gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho 3.274 hộ với 11.238 nhân khẩu với tổng số 168.570 kg gạo trong dịp Tết nguyên đán và thời kỳ giáp hạt.

Công tác giảm nghèo tiếp tục được thực hiện theo kế hoạch, trong năm tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai công tác giảm nghèo năm 2023 và tổng hợp, sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; ban hành Kế hoạch thực hiện thí điểm ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; tiếp tục triển khai thực hiện chương

trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; phân bổ số lượng và kinh phí hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo có khó khăn về nhà ở từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (số lượng 20 nhà; tổng kinh phí thực hiện 1,4 tỷ đồng); hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh từ nguồn kinh phí do Bộ Quốc phòng hỗ trợ. Tổng số nhà đã được hỗ trợ từ nguồn xã hội hóa: 744 hộ trong đó nguồn hỗ trợ do Sở Lao – động TB&XH quản lý là 433 hộ nghèo với tổng kinh phí thực hiện 26,4 tỷ đồng; từ nguồn Bộ Quốc phòng do Bộ CHQS tỉnh quản lý hỗ trợ cho 311 hộ, kinh phí thực hiện 15,5 tỷ đồng. Tỷ lệ giảm nghèo năm 2023 ước đạt 2,4%; Tỷ lệ giảm nghèo tại các huyện nghèo ước đạt 4,85%; Tỷ lệ giảm nghèo dân tộc thiểu số ước đạt 3%.

Công tác phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới được quan tâm; dự kiến tỉnh thực hiện cai nghiện bắt buộc ma túy cho 99 người, đạt 123% kế hoạch năm 2023. Trong năm, đã tổ chức thăm, tặng quà cho 190 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết Thiếu nhi và Tết Trung thu với tổng kinh phí 95.000.000đ và thăm tặng quà chung cho trẻ em tại một số trường học trên địa bàn tỉnh, với tổng kinh phí 45.000.000đ. Chỉ đạo các đơn vị tăng cường các biện pháp phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích trẻ em; trong năm ban hành Kế hoạch thực hiện công tác trẻ em tỉnh Bắc Kạn năm 2023; Kế hoạch tổ chức Diễn đàn trẻ em tỉnh Bắc Kạn lần thứ mười, năm 2023; Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2023; Kế hoạch khám, hội chẩn tim mạch miễn phí cho trẻ em tỉnh Bắc Kạn năm 2023; xây dựng Kế hoạch công tác Bình đẳng giới - Vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2023”.

10. Khoa học và Công nghệ - Tài nguyên và Môi trường

10.1. Khoa học và Công nghệ

Trong năm 2023, ngành chuyên môn của tỉnh quản lý 37 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (30 nhiệm vụ chuyên tiếp⁹; 07 nhiệm vụ thực hiện từ năm 2023¹⁰), các nhiệm vụ hiện nay đang được triển khai thực hiện theo kế hoạch. Tỉnh tiếp tục duy trì, áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023.

Công tác quản lý khoa học, công nghệ trên địa bàn được duy trì hiệu quả, thực hiện dự án chuyển đổi số ngành khoa học và công nghệ; tăng cường đo lường chất lượng sản phẩm trên địa bàn theo kế hoạch, tỉnh tiếp tục xây dựng chính sách hỗ trợ chương trình tài sản trí tuệ đến năm 2030.

10.2. Tài nguyên và Môi trường

Công tác quản lý tài nguyên đất đai được thực hiện tốt, cơ quan chuyên môn tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án về đất đai. Tỉnh tiếp tục triển khai

⁹ Trong đó: 22 nhiệm vụ cấp tỉnh, 06 nhiệm vụ NTMN (trong đó 04 dự án phối hợp quản lý), 02 nhiệm vụ cấp quốc gia.

¹⁰ 07 nhiệm vụ cấp tỉnh: giảm 02 nhiệm vụ do 01 dự án không có đơn vị trúng tuyển chủ trì thực hiện và 01 dự án không có đơn vị nộp hồ sơ tuyển chọn.

xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại huyện Bạch Thông, huyện Chợ Mới. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2023, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh; phân cấp quyết định giá đất cụ thể cho các địa phương. Ban hành Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc về đất đai của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Lĩnh vực quản lý khoáng sản được thực hiện nghiêm, tỉnh tăng cường công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; tiếp tục triển khai đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 15/10/2019; đôn đốc đơn vị trúng đấu giá lập hồ sơ khai thác khoáng sản; ban hành Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 16/3/2023 thực hiện “Đề án nâng cao hiệu quả quản lý quy hoạch, thăm dò, khai thác, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản, chống thất thu ngân sách từ hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2021-2025”. Cơ bản công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm túc, không xảy ra các vụ khai thác khoáng sản trái phép có quy mô lớn.

Công tác xử lý ô nhiễm môi trường, quản lý tài nguyên nước, quản lý về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học được quan tâm thực hiện. Tỉnh thường xuyên tập huấn tuyên truyền và ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, khí tượng thủy văn.

11. Công tác Nội vụ; Dân tộc, Tôn giáo; Thanh tra, Tiếp công dân, Phòng chống tham nhũng

11.1. Công tác Nội vụ

Công tác tổ chức bộ máy, quản lý biên chế, công chức, viên chức được thực hiện tốt. Tỉnh tiếp tục rà soát, thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo kế hoạch. Tỉnh đã hoàn thành tổ chức kỳ thi tuyển công chức cấp tỉnh năm 2022, ban hành Kế hoạch số 599/KH-UBND ngày 08/9/2023 về kế hoạch tuyển dụng công chức cấp tỉnh năm 2023, với 47 chỉ tiêu; chỉ đạo tổ chức tốt công tác quy hoạch lãnh đạo, quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thực hiện công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành.

Công tác cải cách hành chính (CCHC) tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Tỉnh đã ban hành kế hoạch CCHC năm 2023, theo đó ban hành nhiều văn bản và tổ chức các cuộc họp chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC năm 2023. Công bố kết quả Chỉ số CCHC năm 2022 của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, kết quả: Cấp sở, ngành có 05 đơn vị đạt xuất sắc, 12 đơn vị đạt tốt, 02 đơn vị đạt khá; cấp huyện có 07 đơn vị đạt tốt, 01 đơn vị đạt khá. Tổ chức họp đánh giá kết quả các chỉ số năm 2022 của cấp tỉnh, kết quả Chỉ số CCHC đạt 79,35/100 điểm, xếp vị trí 61/63 tỉnh, thành phố; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính đạt 75,22/100%, xếp vị trí 60/63 tỉnh, thành phố; chỉ số Hiệu quả Quản trị và hành chính công đạt 42,43/80 điểm, xếp vị trí 30/63 tỉnh, thành phố; theo đó ban hành kế hoạch khắc phục những

tồn tại, hạn chế Chỉ số PAR INDER, Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAPI năm 2022, nâng cao chất lượng chỉ số năm 2023; ban hành Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện và cấp xã giai đoạn 2023 – 2025.

Ước thực hiện đến hết năm 2023, tỷ lệ cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức, viên chức phù hợp với vị trí việc làm đạt 100%; toàn tỉnh có 1.817 TTHC, trong đó có 1.168 TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, 649 TTHC cung cấp thông tin trực tuyến; tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình ước đạt 86%, dịch vụ công trực tuyến một phần đạt 14%; tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh đạt 60%; tỷ lệ hồ sơ phát sinh của các TTHC có quy định phí, lệ phí được thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia đạt 4,66%.

11.2. Công tác Dân tộc, Tôn giáo

Các chương trình, chính sách dân tộc tiếp tục được triển khai thực hiện theo kế hoạch. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2460/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 về phê duyệt danh sách người có uy tín giai đoạn 2023-2027 với tổng số 1.290 người uy tín/1.292 tổ, thôn, bản. Toàn tỉnh đã thực hiện các chế độ chính sách đối với người có uy tín đảm bảo kịp thời, người có uy tín phát huy tốt vai trò tuyên truyền, vận động tại cơ sở góp phần đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã xây dựng và triển khai ứng dụng phần mềm “Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn” trên địa bàn toàn tỉnh từ cấp xã, huyện, tỉnh.

Công tác chăm lo cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn được cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ các cơ quan, đơn vị các cấp trong tỉnh quan tâm thực hiện, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, tạo sự đồng thuận trong xã hội, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Trong năm 2023, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các vùng dân tộc thiểu số nhìn chung ổn định, các lễ hội được tổ chức đảm bảo an toàn, thiết thực, nhân dân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tình hình hoạt động tôn giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tỉnh tiếp tục nắm các hoạt động mang tính tôn giáo và hướng dẫn giải quyết các vấn đề liên quan phát sinh tại cơ sở theo quy định, đúng thẩm quyền. Ban hành kế hoạch công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023.

11.3. Công tác Thanh tra, phòng, chống tham nhũng

Trong năm 2023, Thanh tra các đơn vị đã thực hiện 299 cuộc thanh tra, kiểm tra; trong đó: 10 cuộc kỳ trước chuyển sang, 289 cuộc triển khai trong kỳ. Hiện nay đang tiến hành 28 cuộc, kết luận, kết thúc 271 cuộc; qua thanh tra, kiểm tra ban hành 287 quyết định xử lý vi phạm hành chính với tổng số tiền là 2,7 tỷ đồng. Năm 2023, các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã tiếp 890 lượt công dân, với 955 người được tiếp (có 05 đoàn đông người); tiếp nhận 1.869 đơn đủ điều kiện xử lý với 1.869 vụ việc. Tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị là 20, đã giải quyết xong 19 vụ việc, 01 vụ việc đang giải quyết.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 879/KH-UBND ngày 29/12/2022 về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023; Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 về việc phê duyệt kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 2023; Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 24/4/2023 về việc thực hiện nhiệm vụ Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tập trung vào công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; xây dựng, thực hiện chế độ định mức, tiêu chuẩn, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng...

11.4. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật

Công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật được tỉnh chỉ đạo thực hiện nghiêm, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và công tác pháp chế năm 2023; ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND, UBND tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2022; ban hành Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 30/01/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 22/02/2023 về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023; ban hành Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp năm 2023; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý năm 2023; Kế hoạch trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật năm 2023; Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 13/4/2023 về thực hiện Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân" trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

12. Quốc phòng - An ninh

Cơ quan quân sự tiếp tục duy trì thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ cứu nạn ở tất cả các cấp theo đúng quy định, tổ chức thành công lễ giao nhận quân năm 2023, tỷ lệ tuyển quân đạt 100% kế hoạch (đạt 700/700 người). Cơ quan công an của tỉnh thường xuyên theo dõi sát tình hình, chủ động ngăn chặn các âm mưu, úng phó kịp thời các tình huống; thực hiện đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các loại tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Trong 9 tháng tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 115 vụ, 109 đối tượng làm 01 người chết, 39 người bị thương, thiệt hại tài sản khoảng 2,7 tỷ đồng đã điều tra, khám phá 104/115 vụ đạt 85%. Dự ước hết năm 2023, tỷ lệ tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm đạt 100%; số vụ vi phạm về trật tự xã hội giảm 5% so với cùng kỳ năm 2022.

Công tác thanh tra, kiểm tra an toàn giao thông đường bộ luôn được các lực lượng chức năng duy trì thường xuyên. Các cơ quan liên quan luôn tăng cường kiểm tra, kiểm soát trong hoạt động vận tải; bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ nhu cầu đi lại, vận tải hành khách, hàng hóa của nhân dân được thuận lợi, an

toàn. Trong 9 tháng năm 2023, toàn tỉnh xảy ra 18 vụ tai nạn giao thông, làm chết 10 người, làm bị thương 23 người, thiệt hại tài sản 429 triệu đồng, (giảm 8 vụ, 01 người chết, 04 người bị thương so với cùng kỳ năm 2022). Dự ước hết năm 2023, tai nạn giao thông đường bộ giảm cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2022.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Trong năm 2023, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế dự kiến đạt khá; nông nghiệp phát triển ổn định, an ninh lương thực được đảm bảo; công nghiệp – xây dựng tiếp tục phát triển; thương mại, dịch vụ, du lịch phục hồi và tăng trưởng nhanh. Công tác phòng, chống dịch, nhất là dịch Covid – 19 được thực hiện tốt; các chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời, đời sống Nhân dân ổn định. Tổ chức thành công nhiều sự kiện, chương trình văn hóa, thể thao. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, công tác cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực được tăng cường; quốc phòng, an ninh được giữ vững, ổn định.

2. Hạn chế và nguyên nhân

2.1. Công tác giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm. Nguyên nhân do một số văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền chưa được ban hành kịp thời, nhất là trong thực hiện các chương trình MTQG; khó khăn, vướng mắc về cơ chế còn chậm được giải quyết; chương trình MTQG có nhiều tiểu dự án nhỏ lẻ nên các chủ đầu tư không thanh toán ngay sau khi có khối lượng thực hiện; việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác còn qua nhiều thủ tục, dẫn đến làm chậm tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

2.2. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chưa đạt so với kịch bản đề ra; tiến độ chi ngân sách địa phương còn chậm. Nguyên nhân hút thu do kinh tế phục hồi chậm, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hoạt động cầm chừng; hoạt động kinh doanh bất động sản gặp nhiều khó khăn, tiến độ thực hiện các dự án đấu giá đất chậm, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đạt thấp; Chính phủ tiếp tục thực hiện nhiều chính sách giảm thuế, tiền thuê đất,...

2.3. Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt thấp, giảm so với cùng kỳ, trong đó chủ yếu là do sụt giảm lượng xuất khẩu hàng hóa. Nguyên nhân do kinh tế phục hồi chậm, nhu cầu nhập khẩu ở các quốc gia giảm, Hoa Kỳ hạn chế nhập khẩu một số mặt hàng gỗ dán do nghi ngờ nguồn gốc xuất xứ từ Trung Quốc làm ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

2.4. Số lượng doanh nghiệp, HTX ngừng hoạt động còn cao, công tác thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn, số lượng dự án đầu tư ngoài ngân sách đăng ký mới giảm mạnh so với cùng kỳ. Nguyên nhân do mức độ rủi ro trong đầu tư tăng, sức hấp thụ vốn của doanh nghiệp và nền kinh tế gặp khó khăn, nhu cầu vay vốn tín dụng của doanh nghiệp giảm; giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng gây khó khăn

cho sản xuất kinh doanh; các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn đang trong quá trình triển khai chưa được phê duyệt, ảnh hưởng đến thu hút đầu tư.

2.5. Công tác phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan có lúc chưa kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả phối hợp chưa cao. Sự vào cuộc của các cấp chính quyền chưa thực sự quyết liệt, sát sao trong công tác chỉ đạo, điều hành; năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa chủ động, linh hoạt trong xử lý công việc, đặc biệt ở cấp cơ sở.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2024

I. BỐI CẢNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2024

1. Bối cảnh trong nước

Năm 2024, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước tiếp tục có những thuận lợi và khó khăn thách thức đan xen; trong đó, khó khăn thách thức nhiều hơn thuận lợi. Nước ta tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ bối cảnh thế giới; cạnh tranh, xung đột giữa các nước chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; tăng trưởng kinh tế, nhu cầu tiêu dùng tại nhiều nền kinh tế lớn phục hồi chậm và suy giảm, kim ngạch xuất nhập khẩu sụt giảm; thị trường tài chính gặp nhiều khó khăn, thách thức; tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu,... diễn biến bất thường. Chính phủ sẽ quyết tâm giữ vững tình hình an ninh chính trị - xã hội; ban hành và triển khai quyết liệt nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ sản xuất kinh doanh; ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và các cân đối lớn; thực hiện hiệu quả các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trong đó tập trung vào 3 động lực chính là tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu.

2. Bối cảnh trong tỉnh

Dự báo trong năm 2024, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có nhiều thuận lợi; một số dự án đầu tư phát triển hạ tầng giao thông quan trọng được khởi công, nhiều dự án đi vào hoạt động sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh tế - xã hội, từng bước tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư; công tác bảo đảm an sinh xã hội, người có công, giảm nghèo, bảo trợ xã hội được triển khai tích cực; kỷ luật, kỷ cương được tăng cường,... Bên cạnh những thời cơ thuận lợi, kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn nhiều trở ngại, rào cản trong phát triển như năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu; dư địa tăng trưởng ít, năng lực sản xuất thấp, giá trị gia tăng sản phẩm chưa cao; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; các yếu tố về hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, khoa học công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, khó dự báo.

Trước bối cảnh đó, đòi hỏi các cấp, các ngành và các địa phương phải tiếp tục tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém, kế thừa và phát huy những kết quả đạt được, nỗ lực phấn đấu đạt hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 5 năm 2021 – 2025.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2024

1. Nghị quyết số 16-NQ/ĐH ngày 28/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025.

3. Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

4. Kết quả dự ước tình hình kinh tế xã hội tỉnh Bắc Kạn năm 2023 và kế hoạch phát triển năm 2024 của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2024

1. Mục tiêu tổng quát: Bám sát mục tiêu phát triển của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh đã được thông qua “*Khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh, huy động có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Tập trung phát triển, nâng cao giá trị kinh tế trong sản xuất nông - lâm nghiệp, từng bước phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hoá. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, nhất là chế biến sau thu hoạch. Xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông để phát triển du lịch và dịch vụ. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là khu vực nông thôn, chú trọng giảm nghèo nhanh và bền vững. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội*”.

2. Mục tiêu chủ yếu

2.1. Theo hệ thống chỉ tiêu chủ yếu của tỉnh

(1). Tăng trưởng kinh tế 8% trở lên, trong đó: Nông, lâm nghiệp tăng trưởng 3,9% trở lên; Công nghiệp tăng trưởng 16% trở lên; Xây dựng tăng trưởng 9% trở lên; Dịch vụ tăng trưởng 8,8% trở lên.

(2). GRDP bình quân đầu người/năm: 56 triệu đồng.

(3). Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 1.010 tỷ đồng.

(4). Trồng rừng: 3.485 ha.

(5). Phát triển mới sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên: 20 sản phẩm.

(6). Số xã đạt chuẩn nông thôn mới tăng thêm: 12 xã (gồm: Giáo hiệu, Vũ Muộn, Sỹ Bình, Mỹ Thanh, Thuận Mang, Yên Phong, Bằng Phúc, Tân Lập, Yên Mỹ, Cư Lễ, Xuân Dương, Yên Hân).

(7). Số hợp tác xã thành lập mới: 35 HTX.

(8). Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 98,5%.

(9). Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia: 98%.

(10). Số lao động được giải quyết việc làm mới: 6.400 lao động.

- (11). Tỷ lệ giảm nghèo so với năm trước: 2-2,5%.
- (12). Tỷ lệ giảm nghèo ở các huyện nghèo: 4-5%.
- (13). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng: $\leq 15,8$.
- (14). Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 97%.
- (15). Số trường đạt chuẩn quốc gia tăng thêm: 16 trường.
- (16). Tỷ lệ tốt nghiệp THPT: $>90\%$.
- (17). Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh: Tăng 01 bậc.
- (18). Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh: Tăng 01 bậc.
- (19). Chỉ số chuyển đổi số tăng 02 bậc; Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 75%.
- (20). Tỷ lệ tuyển quân, động viên quân nhân dự bị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng: 100%.
- (21). Tỷ lệ tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm: 100%.
- (22). Tỷ lệ điều tra, khám phá án: $\geq 80\%$.
- (23). Giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội: $\geq 5\%$.
- (24). Tai nạn giao thông đường bộ: Giảm cả 3 tiêu chí.

(Chi tiết theo Biểu số 01 kèm theo)

2.2. Theo hệ thống chỉ tiêu trung ương¹¹

- (1). Tốc độ tăng trưởng GRDP: 8 %/năm trở lên.
- (2). Quy mô GRDP theo giá hiện hành: 18.478 tỷ đồng.
- (3). GRDP bình quân đầu người: 56 triệu đồng/người.
- (4). Cơ cấu kinh tế: Khu vực nông lâm nghiệp, thủy sản chiếm 26%; khu vực Công nghiệp - xây dựng chiếm 17%; khu vực dịch vụ chiếm 54%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3%.
- (5). Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn: 6.500 tỷ đồng.
- (6). Tổng thu ngân sách địa phương: 7.406,6 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 1.010 tỷ đồng.
- (7). Tổng chi ngân sách địa phương: 7.408,4 tỷ đồng.
- (8). Bội chi ngân sách địa phương: 2,8 tỷ đồng.
- (9). Thứ hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh phần đầu tăng ít nhất 01 bậc.
- (10). Thứ hạng Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) phần đầu tăng bậc so với năm 2023.
- (11). Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo: 900 doanh nghiệp.
- (12). Có thêm ít nhất 01 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, nâng tổng số dự án trên địa bàn tỉnh lên 06 dự án.

¹¹ Hệ thống chỉ tiêu theo yêu cầu báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- (13). Dân số tỉnh Bắc Kạn: 328,7 nghìn người.
- (14). Lao động từ 15 tuổi trở lên: 266 nghìn người.
- (15). Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số: 80,9%.
- (16). Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 47%.
- (17). Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 44 xã.
- (18). Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 41,1%.
- (19). Tỷ lệ số huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới 25%.
- (20). Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 19,81%; Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 2- 2,5%.

(Chi tiết Biểu số 01.2 kèm theo)

IV. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tiếp tục tập trung thực hiện 04 chương trình trọng tâm của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII theo các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy; tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ và Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ tại Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trên tất cả các lĩnh vực. Kiểm soát chặt chẽ công tác ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Tập trung chỉ đạo các đơn vị thực hiện hiệu quả giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác CCHC.

2. Thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế

2.1. Phát triển nông, lâm nghiệp

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Tập trung chỉ đạo triển khai sản xuất nông nghiệp theo kế hoạch; hướng dẫn áp dụng các biện pháp thâm canh kỹ thuật, nhất là đối với các cây có giá trị kinh tế cao; hỗ trợ tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, tập trung gắn với tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa bằng các cây trồng có giá trị kinh tế cao.

- Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện tốt nội dung phương án phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và động vật thủy sản; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát dịch bệnh, chất lượng con giống, thức ăn tại các địa phương; tăng cường công tác kiểm soát, kiểm dịch đối với nguồn con giống nhập vào địa bàn hoặc xuất bán vật nuôi theo quy định.

- Tăng cường ngăn chặn các điểm nóng về phá rừng, cháy rừng, không để xảy ra các vụ việc phức tạp trên địa bàn toàn tỉnh. Tiếp tục chỉ đạo nhân dân trồng rừng; kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện chăm sóc rừng trồng theo quy định. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các cơ sở sản xuất chế biến gỗ trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2024; ban hành các văn bản hướng dẫn, cơ chế chính sách thực hiện chương trình giai đoạn 2021-2025 theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp. Triển khai Chương trình OCOP theo kế hoạch và tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP tại các địa phương trong và ngoài tỉnh.

2.2. Phát triển công nghiệp - xây dựng

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các dự án, nhà máy công nghiệp hoạt động, đầu tư theo kế hoạch. Tập trung đôn đốc tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các CCN và các công trình công nghiệp trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Triển khai tốt chương trình khuyến công của tỉnh. Tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản và an toàn vật liệu nổ công nghiệp theo quy định.

- Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2024; tăng cường thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách, chú trọng tháo gỡ khó khăn đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công và dự án đầu tư ngoài ngân sách. Chỉ đạo các đơn vị, các chủ đầu tư tổ chức thực hiện quyết liệt, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện các dự án từ chuẩn bị đầu tư, đền bù, giải phóng mặt bằng, thực hiện dự án.

- Tập trung đôn đốc các dự án ngoài ngân sách đã được phê duyệt chủ trương đầu tư sớm triển khai giải ngân vốn đầu tư thực hiện, nhất là đối với các dự án phát triển khu dân cư, khu đô thị; tiếp tục rà soát rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng các dự án đầu tư, công trình đầu tư xây dựng của người dân và doanh nghiệp để dễ tăng tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Giao kế hoạch vốn và chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2024.

2.3. Phát triển thương mại - dịch vụ

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thương mại, bình ổn thị trường, giá cả hàng hóa; tiếp tục đảm bảo lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu. Triển khai các chương trình, đề án về xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn trong và

ngoài tỉnh; tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành chức năng và địa phương trong việc phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ.

- Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, HTX quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các thương nhân sản xuất kinh doanh và các thương nhân xuất khẩu tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử; triển khai nhiệm vụ Kết nối giao thương giữa nhà cung cấp khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại và nhiệm vụ tổ chức đoàn khảo sát, nghiên cứu thị trường và tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước.

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển đa dạng hóa thị trường, tranh thủ cơ hội xuất khẩu, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa của tỉnh, đồng thời thực hiện tốt các giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh đưa các sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử.

- Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển “Điểm du lịch” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2023-2026. Tổ chức quảng bá xúc tiến du lịch Bắc Kạn trên cổng thông tin điện tử Du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn; triển khai thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn.

- Tiếp tục tăng cường tổ chức các sự kiện, lễ hội văn hóa, thể thao,...; khuyến khích các công ty du lịch lữ hành trên địa bàn tỉnh xây dựng các tour du lịch thăm quan đa dạng, dài ngày để giữ chân du khách; tiếp tục phát triển các điểm trung bày, đa dạng các sản phẩm đặc sản của tỉnh để phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch.

- Thực hiện tốt các giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đất đai, công tác giải phóng mặt bằng, đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển khu dân cư, khu đô thị, dự án có sử dụng đất.

2.4. Phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã

- Đẩy mạnh cải cách hành chính trong thực hiện các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, HTX; triển khai thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi số theo quy định.

- Triển khai mạnh mẽ, quyết liệt, có hiệu quả các giải pháp về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh; tăng cường công khai minh bạch các chính sách, pháp luật liên quan tới doanh nghiệp.

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư theo kế hoạch; đẩy mạnh công tác hỗ trợ sau đầu tư, đơn đốc các chủ đầu tư thực hiện theo tiến độ đã cam kết; hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận đất đai, thực hiện các thủ tục sau đầu tư về đất đai, môi trường, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng...

- Triển khai hiệu quả các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh; Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn.

2.5. Thu chi ngân sách

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp thu và chống thất thu NSNN giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; tăng cường khai thác nguồn thu, chống thất thu ngân sách; tổ chức thu thuế theo Đề án quản lý thuế đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo hoàn thiện thủ tục đấu giá đất, đảm bảo tiến độ hoàn thành thu tiền sử dụng đất theo dự toán.

- Thực hiện nghiêm Luật ngân sách nhà nước; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, chủ động, tiết kiệm, đúng quy định và trong phạm vi dự toán được giao. Tiết kiệm chi ngân sách trong các khâu phân bổ, giao dự toán và thực hiện chi ngân sách. Tiết kiệm triệt để chi thường xuyên nhằm đảm bảo phù hợp cơ cấu giữa chi đầu tư và thường xuyên; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn; thực hiện tốt công tác quyết toán ngân sách.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - phát triển khoa học công nghệ

3.1. Lao động, đào tạo nghề

- Thực hiện tốt công tác lao động việc làm theo kế hoạch, đôn đốc các địa phương, doanh nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tiếp tục thực hiện các chính sách, chương trình đào tạo nghề, nhất là cho lao động nông thôn, lao động tại các vùng khó khăn và các đối tượng chính sách.

- Đẩy mạnh giải quyết việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.2. Giáo dục, đào tạo

- Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2023-2024. Tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục, giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh, sinh viên. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh ở các cấp học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục.

- Bố trí ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là hệ thống trường lớp học vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các trường học dự kiến đạt chuẩn quốc gia.

3.3. Khoa học và công nghệ

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng phát triển KH&CN phục vụ sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng và lợi thế cạnh tranh cao, các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; nghiên cứu, phát triển

các sản phẩm OCOP của địa phương.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

4. Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

4.1. Văn hóa, thể dục thể thao

- Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa. Thực hiện bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Kạn. Tổ chức triển khai các Quy hoạch di tích danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Hồ Ba Bể và vùng phụ cận và Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quốc gia đặc biệt An toàn khu Chợ Đồn.

- Tiếp tục triển khai nhiệm vụ xây dựng Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022-2030 theo kế hoạch. Tổ chức các giải thi đấu thể thao trong tỉnh và tham gia các giải thi đấu toàn quốc. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng; phát triển thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh.

4.2. Y tế - Chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Tiếp tục triển khai các văn bản của Bộ Y tế, của tỉnh về công tác phòng, chống dịch và tiêm chủng đúng quy định. Giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh theo mùa, nhất là dịch Covid-19 và các bệnh dịch khác.

- Triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh tại các tuyến, triển khai kỹ thuật mới; thực hiện tốt nội quy, quy chế chuyên môn; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư, hóa chất, sinh phẩm, trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh.

- Triển khai tốt các dự án y tế từ nguồn vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

4.3. An sinh xã hội

- Thực hiện đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, huy động và lồng ghép nguồn lực của Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để tập trung thực hiện mục tiêu giảm nghèo, nhất là tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn. Động viên, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội; kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch chính sách đối với người có công với cách mạng; đảm bảo triển khai thực hiện tốt quyền trẻ em; tiếp tục thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới; đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Nâng cao hiệu quả quản lý tại cơ sở cai nghiện ma túy; phát triển các mô hình cai nghiện và quản lý sau cai có hiệu quả tại cộng đồng.

4.4. Công tác thông tin và truyền thông

- Cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền theo đúng chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh; chỉ đạo duy trì cập nhật thông tin cho chuyên trang Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn; đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân, tạo đồng thuận, niềm tin xã hội góp phần tích cực trong phát triển kinh tế xã hội đảm bảo quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của nhân dân, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục triển khai Đề án tổng thể Chuyển đổi số của tỉnh; tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; triển khai xây dựng hệ thống đánh giá chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (PDTI).

- Tập trung xây dựng hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) và tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, CSDL của các Bộ, ngành với các hệ thống thông tin của tỉnh; thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết TTHC hướng tới việc hiện đại hóa quy trình, đáp ứng điều kiện cung cấp thành DVCTT; đẩy mạnh triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh.

4.5. Dân tộc, tôn giáo

Thực hiện tốt các chương trình, dự án, các chính sách dân tộc; triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024; Tiếp tục triển khai tốt các chính sách về giáo dục, y tế, đào tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho đồng bào DTTS nghèo.

Tạo điều kiện, hướng dẫn cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo pháp luật. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, các phần tử lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, gây mất ổn định tình hình an ninh, trật tự, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

5. Tài nguyên và môi trường

Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa về chính sách, pháp luật đất đai, tài nguyên và môi trường. Tiếp tục thực hiện việc đấu giá, đấu thầu các dự án có sử dụng đất. Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất đai.

Thực hiện việc khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản đảm bảo theo đúng quy định, trong đó ưu tiên các dự án khai thác gắn với chế biến sâu trên địa bàn tỉnh gắn với công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, kịp thời ngăn chặn các hành vi có liên quan đến khai thác khoáng sản trái phép.

Theo dõi chặt chẽ diễn biến khí tượng, thủy văn, nâng cao chất lượng dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai. Chủ động phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; kịp thời, ứng phó, khắc phục hiệu quả các sự cố, thiên tai và cứu nạn, cứu hộ.

6. Công tác nội chính

6.1. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, tổ chức bộ máy trong các cơ quan hành chính, cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh CCHC trên tất cả các lĩnh vực. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản QPPL; nâng cao chất lượng rà soát, đơn giản hóa TTHC; công khai đầy đủ, kịp thời các TTHC theo quy định. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết TTHC.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ để phòng, chống tiêu cực và ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

6.2. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

- Thực hiện tốt các Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra. Đổi mới công tác thanh tra, tập trung vào việc phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các vi phạm; kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách... Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc đôn đốc, kiểm tra và xử lý sau thanh tra. Nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

- Nâng cao trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan nhà nước trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh; rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài. Tăng cường thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; Tăng cường phát hiện tham nhũng thông qua công tác tự kiểm tra, giám sát nội bộ, công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6.3. Công tác xây dựng, thi hành pháp luật

Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; rà soát, kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản QPPL, đảm bảo tính phù hợp và thống nhất với hệ thống văn bản pháp luật hiện hành. Đổi mới phương pháp, cách thức phổ biến giáo dục pháp luật.

7. Quốc phòng - An ninh

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương về công tác quốc phòng - an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân

và thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Thực hiện tốt nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2024.

Đảm bảo vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc thực chất, hiệu quả; thực hiện tốt công tác dân vận, kịp thời phát hiện sớm các vấn đề nổi cộm, bức xúc trong dân để giải quyết từ sớm, từ gốc nhất là đối với nhân dân trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, có điều kiện đặc biệt khó khăn. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; kiểm chế sự gia tăng tai nạn giao thông và cháy nổ.

Trên đây là tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2023; dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng NCTH;
- Lưu VT, Mai Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình